

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2018/HSST
Ngày 23/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Huy Cường và ông Hoàng Xuân Hào.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Thành; Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2017/TLST - HS ngày 27/12/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/TLST - HS ngày 12/01/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M - Sinh năm: 1984.

Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Đội 3, xã Đ H, huyện K, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Nguyễn Văn S - SN: 1953; Con bà: Nguyễn Thị T - SN: 1961.

Vợ, con : Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 30/09/2017; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

*** Những người làm chứng:**

1- Anh: Nguyễn Văn B – SN: 1985.

Nơi cư trú: Đội 15 xã L Ph, thành phố H, tỉnh H Y.

2- Chị: Nguyễn Thị Ng – SN: 1982.

Nơi cư trú: thôn L H, thị trấn L B, huyện K, tỉnh H Y.

3- Anh: Lê Bá Q – SN: 1985.

Nơi cư trú: thôn Th S, xã Đ Th, huyện K, tỉnh H Y.

4- Anh: Lều Hữu M – SN: 1980.

Nơi cư trú: thôn A C xã L Ph, thành phố H, tỉnh H Y.

5- Chị: Nguyễn Phương A – SN: 1979.

Nơi cư trú: số 29 ngõ V, phường Q Tr, thành phố H, tỉnh H Y.

6- Anh: Đỗ Trọng Tr – SN: 1982.

Nơi cư trú: thôn A B, phường A T, thành phố H, tỉnh H Y.

7- Anh: Bùi Kim Ph – SN: 1969.

Nơi cư trú: số 30 phố H V Th, phường Q Tr, thành phố H, tỉnh H Y.

8- Chị: Nguyễn Thúy L – SN: 1968.

Nơi cư trú: số 32 Đường Ph Ng L, phường Q Tr, thành phố H, tỉnh H Y.

9- Anh: Lê Minh M – SN: 1982.

Nơi cư trú: số 16/347, đường L V L, phường A T, thành phố H, tỉnh H Y.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 02/2017, khi Nguyễn Văn M đang Công tác tại Phòng cảnh sát bảo vệ và cơ động - Công an tỉnh H đã sử dụng 08 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả, để tín chấp vay tiền của 08 người khác nhau, với tổng số tiền là: 623.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Ngày 19 và 20/10/2016, M đã mang 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn M đến tín chấp để vay anh Hoàng Văn H, ở thôn A Ch 2, xã L Ph, thành phố H số tiền là: 40.000.000 đồng, với thời hạn 01 tháng (không ghi lãi suất). Số tiền này, M đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra, anh H vắng mặt tại địa phương, đồng thời không có đơn tố cáo đối với M, nên Cơ quan điều tra chưa quản lý được Giấy chứng minh Công an nhân dân giả do M đã tín chấp cho anh H.

2. Do được bạn là Nguyễn Văn B, (Cán bộ Công an huyện K) giới thiệu, nên ngày 29/10/2016, Nguyễn Văn M mang theo 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn M đến tín chấp để vay của chị Nguyễn Thị Ng, ở thôn L H, thị trấn L B, huyện K số tiền 50.000.000 đồng. M đã viết giấy vay tiền (không ghi lãi suất) với thời hạn vay là 30 ngày, có Nguyễn Văn B cùng ký nhận và nhận trách nhiệm trả thay, nếu M không trả. Số tiền vay được, M đã tiêu xài cá nhân hết. Quá hạn không thấy M trả tiền, nên chị Ng đã làm đơn tố cáo M và giao nộp các tài liệu có liên quan. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn B đã nhận trách nhiệm trả nợ dần cho chị Ng thay cho M.

3. Ngày 05/11/2016, Nguyễn Văn M mang theo 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn M đến tín chấp để vay của anh Lê Bá Q, ở thôn Th S, xã Đ Th, huyện K (là bạn học cùng cấp 3) số tiền 100.000.000 đồng, M đã viết giấy vay tiền, thời hạn vay 01 tháng (không ghi lãi suất). Khi đến thời hạn trả nợ, anh Q đã đòi nhiều lần nhưng M chưa có tiền trả nợ. Đến tháng 02/2017, M mới trả cho anh Q số tiền là: 40.000.000 đồng. Quá trình điều tra, anh Q đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu có liên quan, nhưng không có đơn tố cáo đối với M.

4. Khoảng đầu tháng 11/2016, M đã nhờ bạn là Nguyễn Văn B (Cán bộ Công an huyện K) hỏi và giới thiệu để M vay tiền, nên B đã điện thoại cho anh Lều Hữu M, ở thôn A C, xã L Ph, thành phố H hỏi vay tiền giúp M, nên ngày 16/11/2016, M

mang theo 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn M và cùng B đến tín chấp để vay anh M số tiền 50.000.000 đồng. M đã viết giấy vay tiền, thời hạn vay 01 tháng (không ghi lãi suất). Đến ngày 13/12/2016, M tiếp tục mang đến thế chấp cho anh M 01 xe mô tô honda SH, đeo biển số: 89D1-112.56 (M khai xe mô tô mượn của bạn là Nguyễn Văn Q, ở xã Ph Th, huyện K) và vay của anh Lều Hữu M số tiền là: 40.000.000 đồng, nhưng M và anh Lều Hữu M đã thống nhất để M viết giấy vay số tiền là: 80.000.000 đồng (mục đích để M báo nợ gia đình lấy số tiền chênh lệch là: 40.000.000 đồng) thời hạn vay 01 tháng (với lãi suất thỏa thuận miệng là 3000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày). Toàn bộ số tiền vay được, M đã tiêu xài cá nhân hết. Quá hạn không thấy M trả tiền, nên anh Lều Hữu M đã làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô SH nêu trên, cùng các tài liệu có liên quan. Ngày 04/4/2017, anh Lều Hữu M có đơn xin rút đơn tố cáo để tự thỏa thuận với M. Đến ngày 25/8/2017, M đã trả anh Lều Hữu M số tiền là: 88.468.000 đồng.

5. Ngày 07/12/2016 M gặp chị Nguyễn Phương A ở số 29 ngõ V C, phường Q Tr, thành phố H tại quán nước thuộc khu vực Quảng trường thành phố H, M đã tín chấp 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn M để vay của chị Phương A, số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày. Số tiền vay được, M đã tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng tháng 01/2017, M đã đến mượn lại Giấy chứng minh Công an nhân dân giả đã tín chấp cho chị Phương A và mang về nộp cho đơn vị. Quá hạn không thấy M trả tiền, nên ngày 12/02/2017 chị Phương A đã đến trình báo tại Công an tỉnh Hưng Yên. Đến ngày 13/02/2017, M đã trả lại chị Phương A số tiền là: 20.000.000 đồng nên chị Phương A đã rút đơn tố cáo đối với M.

6. Ngày 04/02/2017, M đã nhờ bạn là Đỗ Trọng Tr, (là cán bộ phòng kỹ thuật nghiệp vụ II Công an tỉnh H) giới thiệu để M vay tiền. Do được anh Tr giới thiệu, đồng thời tin tưởng M là Cán bộ Công an và không biết Giấy chứng minh Công an nhân dân do M tín chấp là giả, nên anh Bùi Kim Ph, ở số 30 H V Th, phường Q Tr, thành phố H đã đồng ý cho M vay số tiền là: 100.000.000 đồng, M viết giấy vay tiền (không ghi lãi suất) thời hạn vay 30 ngày. Số tiền vay được, M đã tiêu xài cá nhân hết. Quá hạn không thấy M trả tiền và không liên lạc được với M, nên anh Ph đã làm đơn tố cáo và giao nộp các tài liệu có liên quan. Quá trình điều tra đến ngày 25/8/2017, M đã trả lại anh Ph số tiền là 100.000.000 đồng, anh Ph đã có đơn xin rút đơn tố cáo đối với M.

7. Ngày 23/10/2016, Nguyễn Văn M đã mang theo 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả đến tín chấp và hỏi vay của chị Nguyễn Thúy L, ở số 32 đường Ph Ng L, phường Q Tr, thành phố H số tiền 30.000.000 đồng. M viết giấy vay tiền (không ghi lãi suất) thời hạn vay 30 ngày. Đến ngày 31/10/2016, M lại mang theo 01 thẻ ATM (thẻ lương) đến tín chấp và vay của chị L số tiền là: 25.000.000 đồng. Tiếp đó, vào các ngày 02/11/2016; 04/11/2016; 13/12/2016 và ngày 22/12/2016, M tiếp tục đến vay của chị L với tổng số tiền là: 133.000.000 đồng. Các lần vay tiền của chị L, M đều viết giấy vay tiền (trong đó lần vay số tiền 20.000.000 đồng của chị L vào ngày 04/11/2016, M viết giấy nhận tiền để mua hộ chị L 01 chiếc xe máy). Toàn bộ số tiền vay được, M đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình cho M vay tiền, chị L đã sử dụng thẻ

ATM (do M tín chấp) rút được số tiền là: 8.800.000 đồng. Đến tháng 3/2017, M đã trả tiếp cho chị L số tiền là: 30.000.000 đồng. Sau đó, chị L không liên lạc được với M để đòi nợ, nên chị đã làm đơn tố cáo và giao nộp các tài liệu có liên quan.

8. Do đã quen biết với anh Lê Minh M, ở 16/347 đường L V L, phường A T, thành phố H, nên ngày 08/02/2017, M đã mang theo 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn M đến tín chấp và hỏi vay anh Lê Minh M số tiền là 75.000.000 đồng. Do tin tưởng M là cán bộ Công an và không biết Giấy chứng minh Công an nhân dân do M tín chấp là giả, nên anh Lê Minh M đã cho M vay số tiền 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, M khai: Vì theo yêu cầu của anh Lê Minh M, nên M đã viết “Giấy biên nhận tiền đặt cọc” để mua 03 cây vàng cho anh Lê Minh M, với thời hạn 07 ngày, thực chất là M vay tiền chứ không phải nhận tiền đặt cọc để mua vàng. Số tiền này, M đã tiêu xài cá nhân hết. Quá hạn trả nợ, anh Lê Minh M không liên lạc được với M nên đã làm đơn tố cáo và giao nộp các tài liệu có liên quan. Đến ngày 19/7/2017, anh Lê Minh M có đơn xin rút đơn tố cáo đối với M, với lý do để thỏa thuận dân sự.

Đối với 08 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả nêu trên, quá trình điều tra Nguyễn Văn M khai nhận: Khoảng tháng 8/2016, khi M đang Công tác tại Phòng cảnh sát bảo vệ và cơ động- Công an tỉnh H, M đã gặp 01 người thanh niên khoảng 20 tuổi (không biết tên, địa chỉ) tại quán nước đối diện với Đài tưởng niệm, thuộc khu vực Quảng trường thành phố H. Qua trò chuyện, người thanh niên biết M là Cán bộ Công an và M biết người thanh niên này làm được Giấy chứng minh Công an nhân dân giả, nên M đã thuê người thanh niên đó làm giả Giấy chứng minh Công an nhân dân cho M. Khi đó, M lấy Giấy chứng minh Công an nhân dân thật của M đưa cho người thanh niên, người thanh niên dùng điện thoại chụp ảnh, sau đó đi xe máy về phía đường Đ B, thành phố H, khoảng 03 tiếng sau thì quay lại và đưa cho M 01 phong bì bên trong có 08 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả và nhận của M 200.000 đồng.

Ngoài ra quá trình điều tra, M còn khai nhận: Ngày 06/8/2016, M đã làm thủ tục vay tiền và ký Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ với Phòng giao dịch tài chính cộng đồng G L - Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Chi nhánh H D số tiền 140.000.0000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 06/8/2016 đến ngày 06/8/2021. Đến tháng 5/2017, M đã trả Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi hàng tháng với số tiền là: 23.000.000 đồng. Ngày 09/8/2017, Phòng giao dịch G L - Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam có Công văn số 0308/GL/2017 đề nghị Cơ quan điều tra hỗ trợ thu hồi số nợ quá hạn, với số tiền là: 10.748.089 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã quản lý: 08 Giấy chứng minh Công an nhân dân hiệu 341- 691 mang tên Nguyễn Văn M và các tài liệu có liên quan do Nguyễn Văn M và các anh, chị: Nguyễn Thị Ng, Lê Bá Q, Lều Hữu M, Nguyễn Phương A, Bùi Kim Ph, Nguyễn Thúy L, Lê Minh M giao nộp.

Tại các Bản kết luận giám định số 140 ngày 25/4/2017; Số 200 ngày 12/6/2017 ; Số 199 ngày 19/6/2017 và số 221 ngày 25/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: Có 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân là thật và 07 Giấy chứng minh Công an nhân dân là giả, có nhiều khả năng được

làm giả bằng phương pháp chụp ảnh; Các chữ viết, chữ ký trên các Giấy vay tiền, Giấy biên nhận tiền đặt cọc là do Nguyễn Văn M viết, ký ra.

Đối với chiếc xe SH đeo biển số: 89D1-112.56, do M mang đến thế chấp để vay tiền anh Lều Hữu M. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh và Trưng cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 173/PC54 ngày 29/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: Biển kiểm soát 89D1-112.56 là giả; Số khung, số máy bị đục phá không xác định được số nguyên thủy của xe, nên chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe. Do vậy, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với đối tượng nam thanh niên M đã thuê đi làm 08 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả cho M. Quá trình điều tra, M khai nhận không biết tên, địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn M đã tín chấp vay tiền của nhiều người như đã nêu trên, nhưng không có ý thức chiếm đoạt hoặc bỏ trốn, nên không cấu thành các tội xâm phạm quyền sở hữu, theo quy định tại chương XIV Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với Nguyễn Văn B và Đỗ Trọng Tr không biết M làm giả và sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Nguyễn Văn M, nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các anh, chị: Lê Bá Q, Lều Hữu M, Bùi Kim Ph, Lê Minh M, Nguyễn Thúy L và Nguyễn Phương A đã cho M tín chấp vay tiền lấy lãi, nhưng không thể hiện trên tài liệu, sổ sách gì, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi cho vay lãi nặng.

Bản cáo trạng số 05/QĐ - VKS - P3 ngày 27/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội: Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Văn M về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, v khoản 1; 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Miễn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trích xuất 07 chứng minh Công an nhân dân mang tên Nguyễn Văn M để lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tịch thu cho hủy bỏ 1 thẻ ATM; Trả lại cho M 1 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn M.

Bị cáo Nguyễn Văn M nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án:

Bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các anh, chị Nguyễn Thị Ng, Lê Bá Q, Lều Hữu M, Nguyễn Phương A, Bùi Kim Ph, Nguyễn Thúy L và Lê Minh M là những người cho bị cáo tín chấp Giấy chứng minh Công an nhân dân để vay tiền, đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như: Giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Nguyễn Văn M do các anh, chị: Nguyễn Thị Ng, Lê Bá Q, Lều Hữu M, Bùi Kim Ph, Nguyễn Thúy L và Lê Minh M giao nộp; các bản kết luận giám định số 140 ngày 25/4/2017; Số 200 ngày 12/6/2017; Số 199 ngày 19/6/2017 và số 221 ngày 25/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên... Đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ, nên khoảng tháng 8/2016, tại quán nước thuộc khu vực Quảng trường thành phố H, Nguyễn Văn M là Cán bộ Công an tỉnh H đã thuê người thanh niên không biết tên, địa chỉ làm giả 08 Giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Nguyễn Văn M, với số tiền công là: 200.000 đồng. Sau đó, M đã sử dụng 08 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả này để tín chấp, vay tiền của các anh, chị: Nguyễn Thị Ng, Hoàng Văn H, Lê Bá Q, Lều Hữu M, Nguyễn Phương A, Bùi Kim Ph, Nguyễn Thúy L và Lê Minh M. Những người cho M vay tiền đều không biết Giấy chứng minh Công an nhân dân do M tín chấp là giả và đã cho M vay với tổng số tiền là: 623.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo nhận thức được hành vi làm giả tài liệu, giấy tờ của cơ quan tổ chức hoặc sử dụng tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân là phạm pháp và sẽ bị xử lý theo luật hình. Nhưng do đua đòi ăn chơi dẫn đến mắc nợ và do sức ép của các chủ nợ nên bị cáo đã bất chấp pháp luật để lao vào con đường phạm tội. Hành vi sử dụng Giấy chứng minh Công an giả mang tên Nguyễn Văn M để tín chấp vay tiền của các anh, chị Nguyễn Thị Ng, Hoàng Văn H, Lê Bá Q, Lều Hữu M, Nguyễn Phương A, Bùi Kim Ph, Nguyễn Thúy L và Lê Minh M đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*". Bị cáo đã sử dụng 08 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả để tín chấp, vay tiền của 08 người, mỗi lần sử dụng đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là "*phạm tội nhiều lần*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999. Nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với số tiền 623.000.000 đồng, bị cáo vay của các anh, chị: Nguyễn Thị Ng, Hoàng Văn H, Lê Bá Q, Lều Hữu M, Nguyễn Phương A, Bùi Kim Ph, Nguyễn Thúy L và Lê Minh M. M đã trả cho anh Q 40.000.000 đồng, anh Lều Hữu M 88.468.000 đồng, chị Phương A 20.000.000 đồng, anh Ph 100.000.000 đồng, chị L 38.800.000 đồng, tổng cộng 287.268.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo xin trả dần được những người cho vay tiền chấp nhận. Như vậy bị cáo không có ý thức chiếm đoạt và cũng không bỏ trốn nhằm chiếm đoạt nên không có căn cứ để xử lý bị cáo về các tội xâm phạm quyền sở hữu.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu. Làm giảm lòng tin và uy tín của nhân dân đối với cơ quan nhà nước. Mặt khác, bản thân bị cáo là cán bộ công an thì phải hiểu rõ và gương mẫu chấp hành pháp luật, nhưng do đua đòi ăn chơi dẫn đến mắc nợ và để có tiền trả nợ bị cáo đã cố tình vi phạm. Vì vậy, cần xử bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để giáo dục mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Nhưng xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng Giấy khen và huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, ông Nguyễn Văn S, bố đẻ bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba và nhiều bằng khen, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân giả tín chấp cho các anh, chị Nguyễn Thị Ng, Hoàng Văn H, Lê Bá Q, Lều Hữu M, Nguyễn Phương A, Bùi Kim Ph, Nguyễn Thúy L và Lê Minh M để vay 623.000.000 đồng. Bị cáo mới trả được cho anh Q 40.000.000 đồng, anh Lều Hữu M 88.468.000 đồng, chị Phương A 20.000.000 đồng, anh Ph 100.000.000 đồng, chị L 38.800.000 đồng, tổng cộng 287.268.000 đồng. Hiện còn nợ anh Q 60.000.000đ, chị Ng 50.000.000đ, chị L 149.200.000đ, anh H 40.000.000đ, anh Lê Minh M 75.000.000đ, tổng số 374.200.000đ. Riêng anh Q, anh M và anh H không yêu cầu giải quyết, chỉ có chị Ng và chị L yêu cầu bị cáo phải trả các chị số tiền nợ gốc. Tuy nhiên xác định việc vay nợ là quan hệ dân sự nên không xem xét giải quyết. Chị Ng và chị L có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra quản lý 08 Giấy chứng minh Công an nhân dân số 341-691 mang tên Nguyễn Văn M, trong đó có 01 Giấy chứng minh là thật và 07 Giấy chứng minh là giả. Bảy Giấy chứng minh Công an nhân dân giả là tài liệu được xác định là

chứng cứ nên cần phải lưu giữ trong hồ sơ. Còn 01 Giấy chứng minh thật sẽ giao lại cho Phòng tổ chức Công an tỉnh Hưng Yên xử lý theo quy định.

Đối với Giấy chứng minh nhân dân số 145172286 mang tên Nguyễn Văn M, do Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 05/06/2012; 1 thẻ ATM - Ngân hàng BIDV của Nguyễn Văn M và 1 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH đeo biển 89 D1-112.56. Do M không xin lại thẻ ATM mà chỉ xin lại Giấy chứng minh nhân dân nên cho hủy bỏ thẻ ATM và trả lại cho M Giấy chứng minh nhân dân. Đối với chiếc xe SH đeo biển số: 89D1-112.56, do M mang đến thế chấp để vay tiền anh Lều Hữu M. Cơ quan điều tra đã xác minh và trưng cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 173/PC54 ngày 29/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Biển kiểm soát 89D1-112.56 là giả; Số khung, số máy bị đục phá không xác định được số nguyên thủy của xe, chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe. Nên không xem xét để giải quyết mà giao lại cho Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

[2]. Về hình phạt:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 30/09/2017.

Miễn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

[3]. Về vật chứng:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho Nguyễn Văn M 1 Chứng minh nhân dân số 145172286 mang tên Nguyễn Văn M, do Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 05/06/2012.

- Tịch thu cho tiêu hủy 1 thẻ ATM - Ngân hàng BIDV của Nguyễn Văn M.

- Giao lại cho Phòng tổ chức cán bộ Công an tỉnh Hưng Yên 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân số 341- 691 mang tên Nguyễn Văn M để xử lý theo thẩm quyền.

- Giao lại cho Cơ quan điều tra công an tỉnh Hưng Yên chiếc xe SH đeo biển số: 89D1-112.56 để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

(*Chủng loại, số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKS-P3 ngày 27/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên*).

[4]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, công khai có mặt bị cáo. Đã báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan HSNV- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoan